TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2023
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thái Tín Hiền

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà cho thuê Phạm Minh Q, Tổ B, khu phố S, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Anh Lê Chí C, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Vào năm 2004, chị với anh Lê Chí C tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và đến ngày 28/6/2011 thì chị với anh C mới đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, chị và anh C chung sống rất hạnh phúc. Nhưng một thời gian sau, chị và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống và

tính cách, từ đó cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đồng thời, chị và anh C hiện nay đã sống ly thân với nhau.

Trong thời gian chung sống, chị và anh C có 02 người con chung tên: Lê Thị Phương N (giới tính: Nữ), sinh ngày 05/01/2004 và Lê Thị Bích T1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/01/2005, hiện nay các con đều trên 18 tuổi.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Lê Chí C.

- Về con chung: Lê Thị Phương N (giới tính: Nữ), sinh ngày 05/01/2004 và Lê Thị Bích T1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/01/2005, hiện nay các con đều trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/8/2023, bị đơn anh Lê Chí C trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Thanh T.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T.

- Về con chung: Lê Thị Phương N (giới tính: Nữ), sinh ngày 05/01/2004 và Lê Thị Bích T1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/01/2005 hiện đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Ly hôn" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ

luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T với anh Lê Chí C, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của chị T và anh C không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi sống chung với nhau hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh C phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị T và anh C đã sống ly thân với nhau. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T và anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T với anh C.

[5] Về con chung: Lê Thị Phương N (giới tính: Nữ), sinh ngày 05/01/2004 và Lê Thị Bích T1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/01/2005, hiện nay các con của chị T và anh C đều trên 18 tuổi và không ai có yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh T với anh Lê Chí C.

2. Về con chung tên: Lê Thị Phương N (giới tính: Nữ), sinh ngày 05/01/2004 và Lê Thị Bích T1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/01/2005, hiện nay các con của chị T và anh C đều trên 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007964, ngày 08

tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Chí C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua